TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-PT
Ngày 19 - 6 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Vì Thị Sơn, ông Hoàng Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thanh Nghị - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Bùi Thị Y do có kháng cáo của những người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

* ***Bị cáo bị kháng cáo:***

Bùi Thị Y, sinh năm 1954 tại Hưng Yên; nơi cư trú: Bản Q Tiến, xã NN, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang Kinh (đã chết) và bà Lê Thị Bé (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn Thanh (đã chết) và 02 con (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2018 đến nay, có mặt.

**** Bị hại kháng cáo:***

1. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1963.Trú tại: Bản Tr, xã NN, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1961.Trú tại: Tổ dân phố 5 thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1960.Trú tại: Tổ dân phố 5 thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Ông Lò Văn V, sinh năm 1954.Trú tại: Bản Tr, xã NN, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:**

1. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1964, trú tại: Bản NN II, xã NN, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bà Đào Thị K, sinh năm 1969, trú tại bản: Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

3. Chị Nguyễn Thị Khánh Th, sinh năm 1994, trú tại: Tổ dân phố 6 phường Q Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

4. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1966, trú tại: Bản Khương Tiên, xã Chiềng Khương, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, trú tại: Tổ dân phố 7 thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

6. Bà Lò Thị V, sinh năm 1973, trú tại: Bản NN II, xã NN, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

7. Bà Bùi Thị Nh, sinh năm 1959, trú tại: Bản Tr, xã NN, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

8. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1959, trú tại: Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

9. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1971, trú tại: Bản Tr, xã NN, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Vũ Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ: Ông Nguyễn Tự Q -Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Châu Á– Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2013 Bùi Thị Y làm nghề trồng trọt thường xuyên đến mua thịt lợn của bà Vũ Thị B. Sau nhiều lần mua thịt lợn quen biết nhau, Y thường dặn bà B bán và cho vào tủ lạnh để đông cứng rồi đóng hộp xốp từ 5 – 7kg thịt lợn loại ngon rồi báo để Y đến lấy. Thấy nhiều lần như vậy, bà B hỏi thì được Y đưa ra các thông tin giả là mình có quan hệ rộng mua thịt để biếu "Sếp" làm ở Tỉnh ủy Sơn La và một số lãnh đạo ban ngành. Qua nói chuyện Y hỏi bà B, được biết trước bà B làm ở lương thực huyện S đã nghỉ mất sức, được hưởng trợ cấp một lần theo chế độ 176. Bùi Thị Y nói có khả năng xin được các chế độ và việc làm biên chế nhà nước và Y đã hỏi mua lại quyết định nghỉ của bà B với giá 5.000.000đ nói là để về nhờ các "Sếp" làm chế độ lương hưu, nếu không bán thì Y sẽ giúp chạy làm chế độ hưu trí theo hai mức là 15.000.000đ mỗi tháng được trợ cấp 1.200.000đ và mức 25.000.000đ mỗi tháng được trợ cấp 3.000.000đ và nếu người nào không có tiền có thể chung với người khác thành một suất lớn là 30.000.000đ, khi nhận được tiền

lương hưu thì chia nhau. Do thấy Y có nơi cư trú ổn định, giới thiệu quen nhiều "Sếp" ở tỉnh, Vũ Thị B đã nhờ Y chạy chế độ hưu. Y đã cho bà B một tờ mẫu đơn đề nghị do Y tự viết tay và hướng dẫn bà B làm hồ sơ để nộp gồm 01 đơn đề nghị có xác nhận của trưởng ban, kèm theo Q định nghỉ chế độ 176 và 03 ảnh 4 x 6. Ngoài nhờ Y chạy chế độ cho mình, bà B đã giới thiệu cho Y chạy chế độ hưu trí của nhiều trường hợp, chiếm đoạt 84.800.000 đồng cụ thể các vụ như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 10/2013 Bùi Thị Y đã gặp bà Vũ Thị H ở tổ dân phố 5 và bà Nguyễn Thị Th Sm 1960 ở tổ dân phố 5 cùng thị trấn S đều bán hàng tạp hóa tại chợ thị trấn S, là những người trước đây làm ở cửa hàng Lương thực huyện S và là bạn của bà B để trao đổi về việc Y có thể chạy chế độ hưu, giới thiệu đang chạy chế độ cho bà B. Tin tưởng, tại nhà bà B, bà Th nhờ Y chạy chế độ hưu trí theo suất giá 25.000.000đ, do không có tiền nên bà H và bà B làm chung một suất lớn với giá 30.000.000đ, mỗi người góp 15.000.000đ. Y có hướng dẫn làm hồ sơ, sang ngày 05/11/2013 bà H, bà Th mạng hồ sơ và tiền sang quán bà B cho Y, bà H nộp số tiền 3.000.000đ và 600.000 đồng tiền làm thủ tục, bà cho Bùi Thị Y làm giấy biên nhận số tiền, chiều cùng ngày bà Th đưa tiếp số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 21/11/2013 bà Th, bà H đến quán nhờ bà B nhờ bà Y để đưa nốt số tiền còn lại, nhờ bà B cầm để đưa lại cho Y. Bà B viết tiếp vào giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y với bà Th là bà B đã nhận của bà Th và bà H số tiền 12.000.000đ nhưng không ghi nhận để làm gi, để đưa cho ai.

Số tiền bà Nguyễn Thị Th khai nhận đã đưa để chạy chế độ hưu trí là 25.600.000đ, Bùi Thị Y khai chỉ nhận 13.600.000đ sau đó đưa hết lại cho bà B, do bà B nhờ Y đưa ra thông tin và nhận tiền để giúp bà B nợ ngận hàng. Số tiền 12.000.000đ bà thục đã đưa cho bà Biện để đưa cho Y, bà B khai nhận đã đưa cho Y nhưng việc giao nhận không có giấy tờ, không có người làm chứng, nên không đủ chứng cứ kết luận Y đã nhận 12.000.000đ từ bà B. Đủ chứng cứ kết luận Bùi Thị Y đã chiếm đoạt của Nguyễn Thị Th số tiền 13.600.000đ.

Số tiền bà Vũ Thị H đã chạy chế độ hưu trí là 15.000.000đ, Bùi Thị Y khai nhận chỉ nhận 3.000.000đ theo giấy biên nhận sau đó đưa lại cho bà B, ngoài ra không nhận gì khác. Số tiền 600.000đ bà H nhờ bà Th đưa cho Y có sự chứng kiến của bà Th, bà B, bà H. Nên đủ chứng cứ xác định Bùi Thị Y đã chiếm đoạt của bà Vũ Thị H số tiền 3.600.000đ, đối với số tiền 12.000.000đ bà H đã đưa cho bà B để đưa cho Y, Theo bà B đã khai đã đưa cho bà Y nhưng việc giao nhận không có giấy tờ, không có người làm chứng, vì vậy không đủ chứng cứ kết luận Y chiếm đoạt số tiền này.

- Vụ thứ hai: Khoảng tháng 10/2013 ông Lò Văn V đi mua thịt lợn tại quán bà B biết ông V trước công tác ở Huyện đội huyện S về nghỉ theo chế độ 176 mà không hưởng chế độ hưu nên bà B giới thiệu với ông V là Y có thể xin được chế độ lương hưu. Ông V gặp Y tại quầy bán thịt nhà bà B rồi đưa cho Y Số tiền 10.000.000đ, sau khi đưa tiền ông V đi về, Bùi Thị Y viết giấy biên nhận đưa cho bà B đưa cho ông V.Vài ngày sau, ông V đưa cho bà B số tiền 17.000.000đ để bà

B đưa cho Y, nhưng không làm giấy tờ giữa ông V và bà B. Tổng số tiền ông Lò Văn V bỏ ra để chạy chế độ hưu trí là 27.000.000đ, quá trình điều tra Bùi Thị Y khai nhận không biết ông V và không nhận tiền gì từ ông V và bà B. Căn cứ giấy biên nhận có chữ viết và chữ ký của Bùi Thị Y về việc nhận của ông Lò Văn V số tiền 10.000.000đ nên đủ căn cứ xác định Bùi Thị Y đã chiếm đoạt của ông V số tiền 10.000.000đ. Đối với số tiền 17.000.000đ bà B khai đã nhận của ông V để đưa cho Y nhưng không có giấy tờ và người làm chứng, vì vậy không đủ căn cứ xác định Y chiếm đoạt số tiền này.

- Vụ thứ ba: Bà Vũ Thị B đã đưa cho Bùi Thị Y số tiền để chạy chế độ hưu cho mình và góp chung với người khác để chạy chế độ hưu như sau:

Sau khi quen biết, bà B nhờ Y chạy cho mình một suất hưu trí với số tiền 25.000.000đ. Sáng ngày 22/10/2013 bà B đưa cho Y số tiền 10.000.000đ có viết tay giấy biên nhận. Đến chiều cùng ngày bà B xuống nhà Y ở bản Q Tiến, NN đưa tiếp số tiền 5.000.000đ. Đến ngày 17/12/2013 tại nhà Y bà B đưa cho Y số tiền 32.000.000đ gồm tiền suất của bà B còn thiếu là 10.000.000đ, hai suất nhỏ bà B chung với bà Vũ Thị H một suất nhỏ là 15.000.000đ, nhưng do bà H đã chạy riêng một suất lớn, nên bà B đã tự bỏ tiền ra. Một suất nhỏ 15.000.000đ bà B chung với bà Vũ Thị B ở bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện S. Do bà B đang nợ bà B số tiền 5.100.000đ (tiền bán lợn), nên bà B đã nói chuyện với bà B về việc Y có thể chạy chế độ hưu trí cho người về nghỉ chế độ. Bà B đồng ý chạy chế độ, với điều kiện trừ vào số tiền bà B nợ, số còn lại khi nào được hưởng chế độ bà B sẽ trả. Nên bà B đã bỏ tiền của mình ra đưa cho Y để chạy chế độ cho bà B, nhưng không được nên bà B không trả tiền cho bà B. Ngoài ra bà B đưa cho Y một khoản tiền khác, là tiền làm bảo hiểm và tiền thủ tục trong các lần chạy chế độ hưu trí, bà B không làm giấy biên nhận.

Cũng trong khoảng thời gian này, bà biên nhận được của chị Đặng Thị N để chạy chế độ hưu trí cho bố mẹ đẻ của chị N là ông Đặng Quốc Khánh và bà Trần Thị An, với hai suất mỗi suất là 27.800.000đ và 3.000.000đ là tiền để bà B về tỉnh Hòa B lấy giấy xác nhận nơi làm việc trước đây của ông Khánh, bà An. Số tiền này bà B khai nhận đưa cho Y. Sau một thời gian dài không chạy được chế độ, chị N đã đến nhà bà B lấy lại tiền, bà B nói với Y về việc chị N đòi lại tiền, Y vẫn khẳng định chạy được chế độ và để tạo lòng tin cho bà B, Y bảo bà B mua lại suất chế độ của ông Khánh với số tiền là 23.000.000đ, Y mua lại suất của bà An với số tiền là 27.000.000đ. Y bảo bà B ứng trước tiền ra để trả chị N, bà B đã ứng tiền 50.000.000đ ra trả chị N, nhưng sau đó Y không trả cho bà B 27.000.000đ. Số tiền còn lại 8.600.000đ chị N cho bà B, không có đề nghị gì.

Số tiền bà B chạy chế độ của mình và mua suất theo hồ sơ của người khác là 90.500.000đ và 27.000.000đ cho Y vay để trả cho chị Vũ Thị N. Tổng số tiền theo bà B khai nhận đối với trường hợp chạy chế độ và và cho Y vay là 117.500.000đ, trong đó chỉ có giấy biên nhận ngày 12/12/2013 ghi Y vay tiền 15.000.000đ của bà B, giấy biên nhận ngày 17/12/2013 ghi Y nhận số tiền 42.600.000đ, hai giấy biên

nhận với nội dung nhận tiền để lo việc. Tổng số tiền bà B đưa Y có giấy biên nhận là 57.600.000đ có đủ chứng cứ kết luận Y đã chiếm đoạt của bà B. Số tiền 59.900.000đ theo bà B trình bày khi giao nhận không có giấy tờ thể hiện, không có người làm chứng việc giao nhận, nên không có chứng cứ kết luận Y chiếm đoạt số tiền này.

Vụ việc phát sinh từ năm 2013 đến đầu năm 2016, sau khi biết việc Bùi Thị Y không lo được chế độ hưu như đã hứa, sau nhiều lần đòi lại tiền Bùi Thị Y không trả. Đến năm 2015 những người đưa tiền cho bà B và bà Đ mới biết hai người nhận tiền đưa cho Y. Tháng 01/2016 các bị hại có đơn gửi đến cơ quan Công an huyện S đề nghị giải quyết.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện S đã thu thập được một số giấy vay tiền, giấy biên nhận tiền giữa chị Bùi Thị Y với các bị hại, thu thập chữ viết, chữ ký của Bùi Thị Y gửi trung tâm giám định như sau: Một giấy vay tiền Bùi Thị Y và Vũ Thị B đề ngày 23/5/2014 và ngày 29/4/2014 cơ quan giám định ký hiệu A1; một giấy vay tiền Bùi Thị Y và Vũ Thị B đề ngày 02/4/2018 ký hiệu A2; một giấy biên nhận đề ngày 05/11/2013 giữa Bùi Thị Y với Vũ Thị H ký hiệu A3; một giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y với Nguyễn Thị Th đề ngày 05/11/2013 ký hiệu A4; giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y với Lò Văn V không đề ngày ký hiệu A5; giấy nhận tiền giữa Bùi Thị Y với Vũ Thị B đề ngày 22/10/2013 ký hiệu A6; mẫu đơn đề nghị hưởng chế độ, đơn viết tay theo Vũ Thị B giao nộp trình bày là do Bùi Thị Y viết tay đưa cho bà B, ký hiệu A7; một giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y với Vũ Thị B đề ngày 17/12/2013 ký hiệu A8; giấy biên nhận đề ngày 10/7/2015 đứng tên người nhận tiền là Bùi Thị Y (trong quyển sổ có tên Office notebook, tại tờ số 37) ký hiệu A9.

Tại bản kết luận số: 186/LKGĐ-PC54 ngày 18/3/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: chữ ký đứng tên Bùi Thị Y, Bùi Thanh Y dưới mục "người vay, người nhận tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 với chữ đứng tên là Bùi Thị Y trên các tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là chữ ký của cùng một người;

Chữ viết của nội dung Giấy vay tiền, Giấy nhận tiền trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A9 với chữ viết đứng tên Bùi Thị Y trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải là chữ viết của cùng một người;

Chữ viết của nội dung Giấy biên nhận, Đơn xin đề nghị trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, A5, A6, A7, A8 với chữ viết đứng tên Bùi Thị Y trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là chữ viết của cùng một người.

Ngoài những vụ trên, trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, có một số cá nhân trên địa bàn huyện S và huyện Sốp Cộp đã trực tiếp đưa tiền cho B để nhờ Y "chạy" chế độ hưu trí và việc làm, cụ thể như sau:

Bà Lò Thị V đưa cho bà Vũ Thị B số tiền là 102.000.000đ để xin việc làm cho con là Lò Thị Cương, bà Vũ Thị Nh (chị gái ruột của B) đưa cho bà B số tiền

130.000.000đ để xin việc cho con là Vũ Trường Nam; Nguyễn Thị Khánh Th (là con gái ruột của B) đưa cho B số tiền 120.000.000đ để xin việc cho Nguyễn Trung Hòa là chồng của Th ở tổ 6, phường Q tâm, thành phố Sơn La.

Bà Đặng Thị Đ do quen biết B nên B gọi cho Đ bảo có người quen ở S quen "Sếp" lớn ngoài Sơn La có thể xin được việc gồm một suất y tá và một suất kế toán tại Cơ sở điều trị cai nghiện tỉnh Sơn La, nên bà Đ đưa cho thông tin bà có quen "Sếp" to có thể xin được việc làm để nhận tiền của Đào Thị K số tiền 102.000.000đ để xin việc cho con là Nhữ Thị Vân Anh; nhận của bà Phạm Thị H1 số tiền 150.000.000đ để xin việc cho con là Trần Thị Th; nhận của bà Nguyễn Thị L số tiền 155.000.000đ để xin việc cho con gái bà là Phạm Thị Nguyệt. Tổng số tiền bà Đ nhận là 407.000.000đ, sau đó Đ chuyển số tiền 402.000.000đ và 2.000.000đ tiền đi lại, bà Đ giữ lại số tiền 5.000.000đ để phục vụ đi lại và chuyển sau cho Vũ Thị B, sau khi vụ án phát hiện bà Đ nộp cho cơ quan điều tra.

Tất cả số tiền nhận của trường hợp trên theo bà B trình bày đã giao lại cho Bùi Thị Y, việc giao nhận thực hiện nhiều lần, tại các địa điểm khác nhau, có lần làm giấy biên nhận, có lần không làm giấy biên nhận nên chỉ còn lại một số giấy tờ giao nhận tiền giữa Y bà B, V, H, Th. Ngày 10/7/2015 B gọi cho Đ, Nh, Th, H, V đến nhà B để làm chung một giấy biên nhận với nội dung là Y đã nhận số tiền của B và mọi người để lo chạy chế độ, xin việc làm và nếu không xin được Y phải trả lại mọi người nhà, đất nhưng H, Th, V bận nên B, Đ đã viết giấy trước và ký vào biên bản, còn Y ký tên là Bùi Thanh Y, ký xong thì Y thu hồi lại các giấy biên nhận tiền với B trước đó rồi mang đi đốt. Đến ngày 26/12/2015 B cùng mọi người đến nhà Bùi Thị Y đòi tiền thì Y phủ nhận hoàn toàn việc nhận tiền để chạy chế độ hưu trí và xin việc làm của những người trên. Tổng số tiền của tất cả những người có liên quan theo B và những người liên quan trình bày là 1.010.000.000đ (Một tỷ không trăm mười triệu đồng).

Do có hành vi nêu trên, tại bản án số 15/2019/HS-ST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Y phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Y 48 (bốn tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và khoản 5 Điều 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo Bùi Thị Y phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền 84.800.000 đồng (tám mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng), cụ thể:

Bồi thường cho bà Vũ Thị B số tiền 57.600.000đ (năm mươi bẩy triệu sáu trăm nghìn đồng);

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 13.600.000đ (mười ba triệu sáu

trăm nghìn đồng);

Bồi thường cho ông Lò Văn V số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);

Bồi thường cho bà Vũ Thị H số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng);

+ Buộc bà Vũ Thị B phải hoàn trả cho những người mà bà B đã nhận tiền cụ thể như sau: Bà Vũ Thị Nh số tiền 130.000.000đ; bà Lò Thị V số tiền 102.000.000đ; Nguyễn Thị Khánh Th số tiền 120.000.000đ; bà Đặng Thị Đ số tiền 402.000.000đ; ông Lò Văn V số tiền 17.000.000đ; bà Vũ Thị H số tiền 12.000.000đ; bà Nguyễn Thị Th số tiền 12.000.000đ.

+ Bà Đặng Thị Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho những người mà bà đã nhận tiền cụ thể như sau: Bà Đào Thị K số tiền 102.000.000đ; bà Phạm Thị H1 số tiền 150.000.000đ và bà Nguyễn Thị L số tiền 155.000.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ bà Đ giao nộp cho cơ quan điều tra.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, 23 Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bị cáo Bùi Thị Y phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự và 4.240.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng là 4.440.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm buộc bị cáo Bùi Thị Y bồi thường số tiền 84.800.000đ và xử phạt bị cáo 48 tháng tù, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc bị cáo Bùi Thị Y phải bồi thường số tiền chiếm đoạt thực tế là 1.010.000.000đ.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trình bày: giữ nguyên nội dung kháng cáo vì, trong quá trình điều tra đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ nhưng nhiều tài liệu do sơ suất do tin tưởng bị cáo Y nên đã bị hủy đi. Tất cả các bị hại và người liên quan đều trực tiếp nhìn và ký trước mặt nhau và bị cáo Y, nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc bị cáo Y phải bồi thường số tiền đã nhận thực tế là 1.010.000.000đ và đề nghị xem xét hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo Bùi Thị Y trình bày: Bị cáo không nhất trí với kháng cáo của các bị hại và người liên quan, bị cáo chỉ nhận của các bị hại số tiền 84.800.000đ thể hiện trong các giấy biên nhận tiền, ngoài ra không nhận khoản tiền nào khác.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Cấp sơ thẩm vi phạm Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, khi nghị án không biểu quyết từng nội dung, từng vấn đề mà biểu quyết chung các vấn đề; chứng cứ buộc tội chưa đảm

bảo đầy đủ, có nhiều mâu thuẫn về họ tên của những người liên quan, mâu thuẫn về thời gian nhưng chưa được làm rõ; chưa xác định chính xác số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại. Do đó, đề nghị áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S để điều tra, truy tố, xét xử lại.

- Quan điểm của Luật sư Nguyễn Tự Q: Cấp sơ thẩm áp dụng chưa đúng hình phạt đối với Bùi Thị Y và khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Căn cứ giấy biên nhận tiền ngày 10/7/2015, kết luận giám định và lời khai của những người làm chứng có đủ có sở kết luận bị cáo Y nhận của các bị hại số tiền 1.010.000.000đ như các bị hại đã khai, hành vi của bị cáo Bùi Thị Y thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên thẩm quyền giải quyết cấp sơ thẩm của vụ án hình sự này thuộc về Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Do đó, đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thẩm quyền.

- Ý kiến của bị cáo Bùi Thị Y: Giấy biên nhận ngày 10/7/2015 bị cáo không được ký tên và viết tên do đó đề nghị xem xét điều tra, giám định lại.

- Ý kiến của bị hại Vũ Thị B và người liên quan Đặng Thị Đ: Nhất trí với ý kiến của Luật sư. Những người bị hại và người liên quan khác nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị hại Vũ Thị B, Nguyễn Thị Th, Lò Văn V, Vũ Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Đào Thị K, Nguyễn Thị Khánh Th, Phạm Thị H1, Nguyễn Thị L, Lò Thị V, Vũ Thị Nh, Vũ Thị B, Đặng Thị N có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án và biểu quyết chung các vấn đề mà không biểu quyết từng nội dung, từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án là vi phạm điểm d khoản 2 Điều 259 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa đầy đủ còn mâu thuẫn, chưa được cơ quan điều tra đối chất làm rõ, cụ thể: Còn mâu thuẫn giữa lời khai giữa Đặng thị Đ, Vũ Thị B, Bùi Thị Y thể hiện giao tiền 150.000.000đ tại nhà Bùi Thị Y, tuy nhiên tại giấy nợ chung ngày 10/7/2015 lại thể hiện giao cho Bùi Thị Y tại nhà B; mâu thuẫn họ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, theo biên bản ghi lời khai là Nguyễn Thị L xin việc cho Phạm Thị Nguyệt nhưng trong giấy nợ chung lại ghi là Nguyễn Thị Nguyệt; trong biên bản lấy lời khai bà Đào Thị K khai tên Nhữ Thị Vân Anh nhưng trong giấy nợ chung lại ghi Nguyễn Thị Vân Anh.

Về thời gian địa điểm, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2013, Nguyễn Thị Khánh Th khai là tháng 4 hoặc tháng 5/2014 đưa cho bị cáo Y số tiền 120 triệu đồng tại nhà nghỉ để xin việc cho chồng, như vậy biên bản ghi lời khai có trước khi xảy ra sự việc và Th khai khi giao tiền cho Y thì có mặt Vũ Thị B, Bùi Thị Y và cùng 02 đứa cháu nhưng Bùi Thị Y không nhận, chưa được cơ quan điều tra đối chất xác minh làm rõ để có căn cứ buộc tội bị cáo.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với số tiền 84.800.000đ bị cáo Bùi Thị Y chiếm đoạt của các bị hại, xét thấy: cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan, người làm chứng và thực hiện việc giám định chữ ký của bị cáo trên các giấy biên nhận, giấy vay tiền do người bị hại nộp để làm căn cứ quy kết số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nêu trên.

Tuy nhiên, Giấy biên nhận ghi ngày 10/7/2015 thể hiện số tiền 1.010.000.000đ (Một tỷ không trăm mười triệu đồng) bị cáo Bùi Thị Y nhận của những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng được trưng cầu giám định (tài liệu giám định ký hiệu A9) và tại Kết luận giám định số 186/KLGĐ-PC54 ngày18/3/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: chữ ký đứng tên Bùi Thị Y, Bùi Thanh Y dưới mục "người vay, người nhận tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, **A9** với chữ đứng tên là Bùi Thị Y trên các tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là chữ ký của cùng một người, như vậy có căn cứ xác định bị cáo Bùi Thị Y đã ký giấy biên nhận ngày 10/7/2015 (trên tài tài liệu giám định A9). Mặt khác, những người có ký tên trong giấy biên nhận ngày 10/7/2015 đều khẳng định bị cáo Y đã ký vào giấy biên nhận và nhận nợ số tiền 1.010.000.000đ, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ để có cơ sở kết luận đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và khung hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Thị Y khẳng định không được ký và viết họ tên "Bùi Thanh Y" trên giấy biên nhận ngày 10/7/2015 và đề nghị được xác minh, giám định lại chữ ký trong giấy biên nhận nêu trên.

Như vậy, chưa có căn cứ vững chắc xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại để truy tố, xét xử bị cáo Bùi Thị Y theo tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c "*chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ*", khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, nên cần hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định.

[4] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nội dung kháng cáo của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về án phí phúc thẩm: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bản án bị hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a, b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự,

[1] Hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La. chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La để điều tra, truy tố lại theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Thị Y cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La tiếp nhận lại hồ sơ vụ án.

[3] Về án phí phúc thẩm: Các bị hại Vũ Thị B, Nguyễn Thị Th, Lò Văn V, Vũ Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Đào Thị K, Nguyễn Thị Khánh Th, Phạm Thị H1, Nguyễn Thị L, Lò Thị V, Vũ Thị Nh, Vũ Thị B, Đặng Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Huy Hiệp

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Trung Thành	**Vì Thị Sơn**	**Đinh Huy Hiệp**